

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ LA MUSE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ LA MUSE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LA MUSE ENTERTAINMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LA MUSE .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109640456

**3. Ngày thành lập:** 20/05/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 12 ngõ Văn Hương, phố Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963853068

Fax:

Email: *ngoc.nguyenb94@gmail.com*

Website: *lamusestudio.com*

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                    | 7310        |
| 2.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                     | 7320        |
| 3.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                               | 7410        |
| 4.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                             | 5610        |
| 5.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                     | 5621        |
| 6.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Quán cà phê, giải khát<br>- Dịch vụ phục vụ đồ uống khác                                                                                                                                           | 5630        |
| 7.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                | 8551        |
| 8.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                  | 8552(Chính) |
| 9.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;                                                                                                                              | 8559        |
| 10. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                             | 5912        |
| 11. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                           | 6311        |
| 12. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức | 8230        |
| 13. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                   | 4762        |
| 14. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>Chi tiết: Tổ chức các buổi trình diễn kịch trực tiếp, các buổi hoà nhạc và opera hoặc các tác phẩm khiêu vũ và các tác phẩm sân khấu khác                                                      | 9000        |
| 15. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;                                                                                                                  | 4773        |
| 16. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                      | 4789        |
| 17. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                    | 5510        |
| 18. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                      | 9329        |
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                          | 4610        |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                   | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>BÍCH NGỌC | Căn số 7 Nhà C,<br>TT Sông Đà, Tổ<br>34, Cụm 4,<br>Phường Nhật Tân,<br>Quận Tây Hồ,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 2.000         | 20.000.000               | 20,000       | 0011940100<br>78                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                      | Tổng số                            | 2.000         | 20.000.000               | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN LỆ<br>THANH    | Số 2, Ngách 26,<br>Ngõ 1 Nhân Hoà,<br>Phường Nhân<br>Chính, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200           | 2.000.000                | 2,000        | 125560214                                                                                                              |            |
|     |                     |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                      | Tổng số                            | 200           | 2.000.000                | 2,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                                    |                           |       |            |        |              |
|---|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------|------------|--------|--------------|
| 3 | TRƯƠNG MINH TUẤN | Phòng 1 nhà D1 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 7.800 | 78.000.000 | 78,000 | 001094018405 |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Tổng số                   | 7.800 | 78.000.000 | 78,000 |              |
|   |                  |                                                                                    |                           |       |            |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN BÍCH NGỌC

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/09/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001194010078

Ngày cấp: 16/11/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Căn số 7 Nhà C, TT Sông Đà, Tổ 34, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 12 ngõ Văn Hương, phố Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội